

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2021

“Vợ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh;

Bà Phạm Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Dương Công Ngh**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu dân cư N, phường L, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị **Đinh Thị Kim T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư N, phường L, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường A, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, các bản khai - Nguyên đơn anh Dương Công Ngh trình bày: Anh và chị Đinh Thị Kim T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Ch (nay là phường L, thành phố Ch), tỉnh Hải Dương ngày 02/8/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau

được một thời gian ngắn nên chưa hiểu rõ tính cách của nhau thì chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu chị T còn liên lạc về cho anh, sau đó thưa dần và không liên lạc với anh nữa, kinh tế chị cũng không gửi về cho anh nuôi con. Anh đã chờ đợi 4 năm nhưng đến nay vẫn không thấy chị T có ý định về nước. Vợ chồng không có sự chia sẻ, vun đắp và không có tiếng nói chung nên tình cảm dần phai nhạt và không còn. Khi anh liên lạc với chị T để đề cập đến vấn đề ly hôn thì chị T cũng nhất trí ly hôn. Do vậy, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đinh Thị Kim T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Dương Đình Đăng Kh, sinh ngày 06/9/2016, hiện đang ở với anh. Anh nhất trí giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Trong thời gian chị T không có mặt tại Việt Nam, anh nhất trí giao con chung cho bà Nguyễn Thị T1 là bà ngoại nuôi dưỡng. Anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ chị T) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị T ở nước ngoài nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên chị T vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại về gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị T biết. Thông qua gia đình, chị T có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung là Dương Đình Đăng Kh và tự nguyện không yêu cầu anh Ngh phải cấp dưỡng cho con. Trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho bà T1 nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung chị xác định vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T1 nhất trí nhận sự ủy quyền của chị T về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Khôi trong thời gian chị T không có mặt tại Việt Nam, bà không yêu cầu anh Ngh, chị T phải có trách nhiệm cấp dưỡng.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Ngh, chị T đăng ký kết hôn và cư trú thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng một năm thì chị T đi xuất khẩu lao động, vợ chồng chủ yếu sống xa nhau, tình cảm không có sự vun đắp, chia sẻ, gắn bó nên dần phai nhạt và không còn. Nay, anh Ngh có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Dương Công Ngh được ly hôn chị Đinh Thị Kim T. Về con chung: Giao con chung Dương Đình Đăng Kh cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Anh Ngh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Tạm

giao con chung Dương Đình Đăng Kh cho bà Nguyễn Thị T1 nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian chị T ở nước ngoài. Anh Ngh phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Dương Công Ngh hiện đang sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Đinh Thị Kim T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại khu dân cư N, phường L, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ngh không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị T ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần đề nghị gia đình chị T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình chị T và gia đình đã thông báo cho chị T biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh Ngh và chị T. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai anh Ngh vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị T, bà T1 vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Công Ngh và chị Đinh Thị Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Ch (nay là phường L, thành phố Ch), tỉnh Hải Dương ngày 02/8/2016, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, do vậy vợ chồng không hiểu hết tính cách của nhau. Hơn nữa, trong thời gian ở nước ngoài chị T rất ít liên lạc về cho anh, vợ chồng sống xa cách nhưng không có sự chia sẻ, vun đắp tình cảm và không có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Anh Ngh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T. Chị T ở nước ngoài nhưng thông qua gia đình cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có quan điểm đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ngh và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Ngh được ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Dương Công Ngh và chị Đinh Thị Kim T có một con chung là Dương Đình Đăng Kh, sinh ngày 06/9/2016, hiện con đang ở với anh Ngh. Thông qua gia đình chị T có quan điểm được nuôi con cho đến khi

thành niên (tròn 18 tuổi), chị tự nguyện không yêu cầu anh Tuyển phải cấp dưỡng tiền nuôi con và ủy quyền cho bà T1 nuôi dưỡng con chung trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam. Bà T1 nhất trí nhận sự ủy quyền chăm sóc con của chị T. Xét thấy, anh Ngh nhất trí giao con cho chị T nuôi dưỡng và nhất trí giao con cho bà T1 nuôi dưỡng trong thời gian chị T không có mặt tại Việt Nam. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Dương Đình Đăng Kh cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Ngh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị T không có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung Dương Đình Đăng Kh cho bà T1 chăm sóc nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Dương Công Ngh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Công Ngh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Dương Công Ngh ly hôn chị Đinh Thị Kim T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Đinh Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Đình Đăng Kh, sinh ngày 06/9/2016 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T tạm thời không yêu cầu anh Ngh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con chung Dương Đình Đăng Kh cho bà Nguyễn Thị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị T không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Dương Công Ngh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0007302 ngày 06/7/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Dương Công Ngh và bà Nguyễn Thị T1

được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Đinh Thị Kim T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường L, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường
(Đã ký)